

**Glutaral / Benzodecinium Bromide
Formulation**

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/03/26
3.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2025/03/06
	2025/04/14	11517903-00003	

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : Glutaral / Benzodecinium Bromide Formulation

Mã sản phẩm : Fetant Gluben

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : MSD

Địa chỉ : Lot F, Loc An Binh Son Industrial Park, Long An Commune,
Long Thanh District,
Dong Nai Province, Vietnam 76200

Điện thoại : 0251 354 5925

Số điện thoại liên hệ trong
trường hợp khẩn cấp : +1-908-423-6000

Địa chỉ e-mail : EHSDATASTEWARD@msd.com

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng : sản phẩm thú y

Hạn chế khi sử dụng : Không áp dụng được

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT**Phân loại theo GHS**

Chất lỏng dễ cháy : Cấp 3

Độc cấp tính (Đường miệng) : Cấp 4

Độc cấp tính (Hít phải) : Cấp 4

Ăn mòn/kích ứng da : Cấp 1

Tổn thương mắt nghiêm
trọng/kích ứng mắt : Cấp 1

Nhạy cảm với hô hấp : Cấp 1

Nhạy cảm với da : Cấp 1

Độc tính đến cơ quan cụ thể
sau phơi nhiễm đơn : Cấp 3

Glutaral / Benzodecinium Bromide Formulation

Phiên bản 3.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11517903-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/03/26 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/03/06
------------------	--	---	---

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 1

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 2

Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo : Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm : H226 Hơi và chất lỏng dễ cháy.
H302 + H332 Có hại nếu nuốt phải hoặc nếu hít phải.
H314 Gây bỏng da nghiêm trọng và hồng mắt.
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
H334 Có thể gây ra các triệu chứng dị ứng hoặc hen suyễn hoặc khó thở nếu hít phải.
H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.
H400 Rất độc đối với sinh vật thủy sinh.
H411 Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Các lưu ý phòng ngừa :

Biện pháp phòng ngừa:

P210 Để xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. - Không hút thuốc.
P233 Đóng chặt thùng chứa.
P241 Sử dụng các thiết bị điện/ thông gió/ chiếu sáng/ chống cháy nổ.
P242 Sử dụng các dụng cụ không gây ra tia lửa điện.
P243 Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.
P261 Tránh hít phải hơi sương hoặc hơi.
P264 Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.
P270 Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
P271 Chỉ sử dụng ở ngoài trời hoặc ở khu vực có sự thông thoáng tốt.
P272 Không nên mang quần áo lao động đã nhiễm hóa chất ra khỏi nơi làm việc.
P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.
P284 Mang thiết bị bảo vệ hô hấp.

Biện pháp ứng phó:

P301 + P330 + P331 + P310 NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn. Nhanh chóng gọi đến TRUNG TÂM

**Glutaral / Benzodecinium Bromide
Formulation**

Phiên bản 3.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ Dẫn AN TOÀN: 11517903-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/03/26 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/03/06
------------------	--	---	---

KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC hoặc bác sỹ và xin tư vấn.
P303 + P361 + P353 + P310 NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc):
Cởi bỏ ngay tất cả các quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da
bằng nước hoặc vòi sen. Nhanh chóng gọi đến TRUNG TÂM
KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC hoặc bác sỹ và xin tư vấn.
P304 + P340 + P310 NẾU HÍT PHẢI: Di chuyển nạn nhân tới
chỗ không khí thoáng mát và thoải mái để thở. Nhanh chóng
gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC hoặc bác sỹ và
xin tư vấn.
P305 + P351 + P338 + P310 NẾU BAY VÀO MẮT: Rửa cẩn
thận bằng nước trong một vài phút. Tháo bỏ kính áp tròng nếu
có và dễ làm. Tiếp tục rửa. Gọi ngay cho TRUNG TÂM
CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ.
P333 + P313 Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da hoặc nổi mẩn:
Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.
P342 + P311 Nếu gặp các triệu chứng về hô hấp: Gọi đến
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC hoặc bác sỹ và xin tư
vấn.
P362 + P364 Cởi bỏ quần áo bị nhiễm độc và giặt sạch trước
khi sử dụng.
P391 Thu hồi chất tràn đổ.

Lưu trữ:

P403 + P235 Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ sản
phẩm ở nhiệt độ mát.
P405 Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.

Việc thải bỏ:

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại
cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Hơi có thể tạo hỗn hợp dễ nổ khi tiếp xúc với không khí.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
Propan-2-ol	67-63-0	>= 15 -< 20
Glutarandehit	111-30-8	>= 10 -< 13
Benzodexinium bromit	7281-04-1	>= 10 -< 13

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung : Trong trường hợp tai nạn hoặc bạn cảm thấy không khỏe, hãy
đi khám ngay lập tức.
Khi triệu chứng kéo dài hoặc trong mọi trường hợp nghi ngờ

Glutaral / Benzodecinium Bromide Formulation

Phiên bản 3.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ Dẫn AN TOÀN: 11517903-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/03/26 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/03/06
------------------	--	---	---

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp	: hãy tìm đến tư vấn y tế. Nếu hít phải, di chuyển ngay ra nơi không khí trong lành. Nếu nạn nhân ngừng thở, làm hô hấp nhân tạo. Nếu nạn nhân khó thở, cung cấp oxy Ngay lập tức tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da	: Trong trường hợp chạm vào, ngay lập tức rửa sạch da bằng thật nhiều nước trong ít nhất 15 phút đồng thời cởi bỏ quần áo và giày bị dính bẩn. Ngay lập tức tìm kiếm sự chăm sóc y tế. Giặt sạch quần áo trước khi tái sử dụng, Giặt sạch giày trước khi tái sử dụng
Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt	: Trong trường hợp bị bắn phải, ngay lập tức rửa sạch mắt bằng thật nhiều nước trong ít nhất 15 phút. Gỡ bỏ kính áp tròng nếu đang đeo và để làm Ngay lập tức tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa	: Nếu nuốt phải, không được gây nôn. Nếu xảy ra nôn ọe thì để người ngả về phía trước. Gọi bác sĩ hoặc trung tâm chống độc ngay lập tức. Xúc miệng kỹ bằng nước Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.
Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này	: Gây bỏng rất đường tiêu hóa. Phơi nhiễm quá mức có thể làm bệnh hen suyễn và các rối loạn hô hấp khác trở nên trầm trọng hơn (ví dụ: khí thũng, viêm phế quản, hội chứng rối loạn đường thở phản ứng). Có hại nếu nuốt phải hoặc nếu hít phải. Có thể gây ra phản ứng dị ứng da. Gây tổn thương mắt nghiêm trọng. Có thể gây ra các triệu chứng dị ứng hoặc hen suyễn hoặc khó thở nếu hít phải. Có thể gây kích ứng hô hấp. Gây bỏng nặng.
Bảo vệ người sơ cứu	: Các bộ phát đáp Sơ cứu nên chú ý đến tự bảo vệ và sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân được đề nghị khi khả năng tiếp xúc tồn tại (xem phần 8).
Lưu ý đối với bác sĩ điều trị	: Điều trị triệu chứng và điều trị hỗ trợ

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy thích hợp	: Bụi nước Bọt chịu cồn. Carbon điôxit (CO2) Hóa chất khô
Các phương tiện chữa cháy không thích hợp	: Tia nước dung tích lớn
Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy	: Không sử dụng dòng nước liên tục bởi vì có thể làm lan rộng đám cháy. Ngọn lửa có thể cháy lùi qua một khoảng cách đáng kể. Các hơi này có thể tạo thành hỗn hợp dễ nổ khi tiếp xúc với

**Glutaral / Benzodecinium Bromide
Formulation**

Phiên bản 3.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11517903-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/03/26 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/03/06
------------------	--	---	---

không khí.
Phơi nhiễm với các sản phẩm dễ cháy có thể nguy hại đối với sức khỏe.

Các chất độc được sinh ra
khi bị cháy : Carbon ôxit
Nitơ ôxit (NOx)
Các hợp chất brom

Các phương pháp cứu hỏa
cụ thể : Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa
phương và môi trường xung quanh.
Sử dụng bụi nước để làm mát các bình chứa không mở.
Di chuyển các thùng chứa chưa bị hư hại ra khỏi khu vực
đám cháy nếu việc này không gây nguy hiểm.
Sơ tán toàn bộ khu vực.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành
cho lính cứu hỏa : Trong trường hợp hỏa hoạn, đeo các dụng cụ thở cá nhân.
Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy
trình ứng phó sự cố : Di chuyển tất cả các nguồn gây cháy.
Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.
Làm theo lời khuyên về xử lý an toàn (xem phần 7) và khuyến
nghị về thiết bị bảo vệ cá nhân (xem phần 8).

Các cảnh báo về môi trường : Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc làm
này an toàn.
Ngăn ngừa sự lan toả trên diện rộng (ví dụ bằng cách chứa
lại hoặc bằng các phao ngăn dầu).
Giữ lại và tiêu hủy nước rửa bị nhiễm bẩn.
Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy
ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh
sau khi xảy ra sự cố : Chỉ sử dụng các thiết bị không gây ra tia lửa.
Hút khô bằng các vật liệu hút nước tro.
Làm lắng khí, hơi, sương bằng tia bụi nước.
Đối với các vụ việc tràn đổ lớn, cần đắp đê bao hoặc cung
cấp các vật liệu ngăn chặn thích hợp để giữ cho chất tràn đổ
không bị lan rộng. Nếu chất tràn đổ có thể bơm được, lưu giữ
chất thu lại được trong các thùng chứa thích hợp.
Dọn sạch các chất còn đọng lại do tràn đổ bằng chất thấm hút
thích hợp.
Các quy định của quốc gia hoặc địa phương có thể phải áp
dụng khi thải loại hoặc tiêu hủy chất này, cũng như đối với
các chất trên và các vật liệu được sử dụng trong việc làm
sạch chất thải. Bạn sẽ cần xác định các quy định nào cần phải
được áp dụng.

**Glutaral / Benzodecinium Bromide
Formulation**

Phiên bản 3.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11517903-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/03/26 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/03/06
------------------	--	---	---

Mục 13 và 15 của SDS này cung cấp thông tin liên quan đến các quy định quốc gia và địa phương.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

- Các biện pháp kỹ thuật : Xem Các biện pháp kỹ thuật dưới phần KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/BẢO VỆ CÁ NHÂN.
- Thông gió cục bộ/toàn bộ : Nếu không có hệ thống thông khí hiệu quả, hãy sử dụng cùng với hệ thống thông khí thải tại chỗ.
Sử dụng thiết bị điện, thông gió và đèn chống cháy nổ.
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Không để lên da hoặc quần áo.
Không hít hơi sương hoặc hơi.
Không được nuốt.
Không để chạm vào mắt.
Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.
Xử lý theo hành động an toàn và vệ sinh công cộng, dựa trên kết quả đánh giá phơi nhiễm tại nơi làm việc.
Chỉ sử dụng các thiết bị không gây ra tia lửa.
Đóng chặt thùng chứa.
Những người dễ mẫn cảm và những người dễ bị hen suyễn, mắc chứng dị ứng, bệnh hô hấp mãn tính hoặc tái phát, nên tham khảo ý kiến bác sĩ của họ về việc làm việc với các chất gây kích ứng hoặc mẫn cảm đường hô hấp.
Đề xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. - Không hút thuốc.
Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.
Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
Chú ý phòng ngừa hiện tượng tràn ra ngoài, hao hụt và giảm thiểu thải ra môi trường.
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Chứa trong các thùng có dán nhãn đúng.
Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.
Đóng kín.
Đề tại nơi mát mẻ và thông gió tốt.
Lưu trữ theo các quy định đặc biệt của quốc gia.
Đề xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy.
- Các chất cần tránh bảo quản chung : Không cất giữ với các loại sản phẩm sau đây:
Chất và hỗn hợp tự phản ứng
Peroxyt hữu cơ
Chất oxy hóa
Khí dễ cháy
Chất lỏng tự cháy
Chất rắn tự cháy
Chất và hỗn hợp tự phát nhiệt
Khí độc
Chất nổ

**Glutaral / Benzodecinium Bromide
Formulation**

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/03/26
3.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2025/03/06
	2025/04/14	11517903-00003	

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN**Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc**

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
Propan-2-ol	67-63-0	TWA	200 ppm	ACGIH
		STEL	400 ppm	ACGIH
Glutarandehit	111-30-8	TWA	< 1 µg/m3 (OEB 5)	Nội tại
		C	0,05 ppm	ACGIH
Benzodexinium bromit	7281-04-1	TWA	>= 100 < 1000 µg/m3 (OEB 2)	Nội tại

Ngưỡng giới hạn các chỉ số sinh học

Thành phần	Số CAS	Các thông số kiểm soát	Mẫu sinh học	Thời gian lấy mẫu	Nồng độ cho phép	Cơ sở
Propan-2-ol	67-63-0	Aceton	Nước tiểu	Cuối ca vào cuối tuần làm việc	40 mg/l	ACGIH BEI

**Các biện pháp kiểm soát
thiết bị phù hợp**

: The information below is intended for larger pilot/commercial-scale operations and manufacturing. For smaller scale, clinical, or pharmacy settings, site-specific internal risk assessment practices should be conducted to determine appropriate exposure control measures. The health hazard risks of handling this material are dependent on multiple factors, including but not limited to physical form and quantity handled. If applicable, use process enclosures, local exhaust ventilation (e.g., Biosafety Cabinet, Ventilated Balance Enclosures), or other engineering controls to maintain airborne levels below recommended exposure limits. If exposure limits have not been established, maintain airborne levels as low as reasonably achievable.

Sử dụng hệ thống xử lý kín hoặc công nghệ chứa đựng để kiểm soát tại nguồn (ví dụ: hộp bao tay/vật ngăn cách) và để ngăn chặn rò rỉ hợp chất ra nơi làm việc.

Tất cả các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phải được thực hiện bởi cơ sở thiết kế và phải được thao tác theo các nguyên tắc GMP để bảo vệ sản phẩm, công nhân cũng như môi trường. Về cơ bản không được phép xử lý mở.

Yêu cầu hệ thống vận chuyển nguyên vật liệu và quy trình xử lý hoàn toàn kín.

Thao tác yêu cầu sử dụng công nghệ chứa đựng phù hợp được thiết kế để ngăn chặn rò rỉ hợp chất ra nơi làm việc.

**Glutaral / Benzodecinium Bromide
Formulation**

Phiên bản 3.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11517903-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/03/26 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/03/06
------------------	--	---	---

Sử dụng thiết bị điện, thông gió và đèn chống cháy nổ.

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

- | | |
|-----------------------|---|
| Bảo vệ hô hấp | : Nếu không có hệ thống thông khí thải tại chỗ phù hợp hay đánh giá phơi nhiễm cho thấy mức phơi nhiễm vượt ngưỡng được đề xuất, hãy sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp. |
| Bộ lọc loại | : Loại kết hợp hạt và khí/hơi hữu cơ |
| Bảo vệ tay | |
| Vật liệu | : Găng tay chống hóa chất |
| Ghi chú | : Cân nhắc đeo găng tay 2 lớp. Chú ý rằng sản phẩm này dễ cháy, đây là yếu tố có thể ảnh hưởng đến việc chọn đồ dùng bảo vệ tay. |
| Bảo vệ mắt | : Đeo kính an toàn có phần bảo vệ rìa mắt.
Nếu môi trường làm việc hoặc hoạt động có điều kiện khói bụi, sương mù hoặc sol khí, hãy đeo kính phù hợp.
Đeo mặt nạ hoặc thiết bị bảo vệ toàn bộ khuôn mặt khác nếu có khả năng khuôn mặt tiếp xúc trực tiếp với khói bụi, sương mù hoặc sol khí. |
| Bảo vệ da và cơ thể | : Mặc đồng phục hoặc áo choàng phòng thí nghiệm.
Phải sử dụng thêm quần áo bảo hộ khi thực hiện nhiệm vụ (ví dụ, băng bảo vệ khuỷu tay, tạp dề, găng tay sắt, quần áo bảo hộ dùng một lần) để tránh tiếp xúc với da.
Sử dụng kỹ thuật cởi phù hợp để cởi bỏ quần áo nhiễm hóa chất. |
| Các biện pháp vệ sinh | : Nếu có nguy cơ phơi nhiễm hóa chất trong khi sử dụng bình thường, hãy cung cấp hệ thống vòi rửa mắt và vòi sen an toàn gần nơi làm việc.
Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng.
Không nên mang quần áo lao động đã nhiễm hóa chất ra khỏi nơi làm việc.
Giặt sạch quần áo đã nhiễm hóa chất trước khi tái sử dụng.
Vận hành hiệu quả một cơ sở phải bao gồm đánh giá các biện pháp kiểm soát kỹ thuật, thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp, quy trình khử trùng và cởi quần áo nhiễm hóa chất phù hợp, kiểm soát vệ sinh công nghiệp, giám sát y tế và sử dụng biện pháp kiểm soát hành chính. |

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

- | | |
|---------------|---------------------------------|
| Trạng thái | : thể lỏng |
| Màu sắc | : không màu, tới, màu vàng nhạt |
| Mùi đặc trưng | : chưa có dữ liệu |
| Ngưỡng mùi | : chưa có dữ liệu |
| Độ pH | : 4,31 |

**Glutaral / Benzodecinium Bromide
Formulation**

Phiên bản 3.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11517903-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/03/26 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/03/06
------------------	--	---	---

Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc : chưa có dữ liệu

Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu : chưa có dữ liệu

Điểm cháy : 49,0 °C

Tỷ lệ hóa hơi : chưa có dữ liệu

Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí) : Không áp dụng được

Tính dễ cháy (chất lỏng) : chưa có dữ liệu

Giới hạn trên của cháy nổ /
Giới hạn trên của sự bốc cháy : chưa có dữ liệu

Giới hạn dưới của cháy nổ /
Giới hạn dưới của sự bốc
cháy : chưa có dữ liệu

Áp suất hóa hơi : chưa có dữ liệu

Tỷ trọng hơi tương đối : chưa có dữ liệu

Tỷ trọng tương đối : chưa có dữ liệu

Khối lượng riêng : chưa có dữ liệu

Độ hòa tan
Độ hòa tan trong nước : chưa có dữ liệu

Hệ số phân tán: n-
octanol/nước : Không áp dụng được

Nhiệt độ tự bốc cháy : chưa có dữ liệu

Nhiệt độ phân hủy : chưa có dữ liệu

Độ nhớt
Độ nhớt, động học : chưa có dữ liệu

Đặc tính cháy nổ : Không gây nổ

Đặc tính ôxy hóa : Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa.

Trọng lượng phân tử : chưa có dữ liệu

Đặc điểm hạt

**Glutaral / Benzodecinium Bromide
Formulation**

Phiên bản 3.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ Dẫn An Toàn: 11517903-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/03/26 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/03/06
------------------	--	---	---

Kích thước hạt : Không áp dụng được

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	:	Không thuộc loại nguy hại phản ứng.
Tính ổn định	:	Ổn định trong các điều kiện thông thường.
Phản ứng nguy hiểm	:	Hơi và chất lỏng dễ cháy. Hơi có thể tạo hỗn hợp dễ nổ khi tiếp xúc với không khí. Có thể phản ứng với các chất oxy hóa mạnh.
Các điều kiện cần tránh	:	Nhiệt, lửa và tia lửa.
Vật liệu không tương thích	:	Chất oxy hóa
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	:	Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết đến.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Đường tiếp xúc : Hít phải
Tiếp xúc với da
Ăn uống
Tiếp xúc với mắt

Độc cấp tính

Có hại nếu nuốt phải hoặc nếu hít phải.

Sản phẩm:

Độc tính cấp theo đường miệng	:	Ước lượng độc tính cấp: 480,73 mg/kg Phương pháp: Phương pháp tính toán
Độc tính cấp do hít phải	:	Ước lượng độc tính cấp: 2,33 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 4 h Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương Phương pháp: Phương pháp tính toán
Độc tính cấp qua da	:	Ước lượng độc tính cấp: > 5.000 mg/kg Phương pháp: Phương pháp tính toán

Thành phần:**Propan-2-ol:**

Độc tính cấp theo đường miệng	:	LD50 (Chuột): > 5.000 mg/kg
Độc tính cấp do hít phải	:	LC50 (Chuột): > 25 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 6 h Không khí kiểm nghiệm: hơi
Độc tính cấp qua da	:	LD50 (Thỏ): > 5.000 mg/kg

Glutaral / Benzodexinium Bromide Formulation

Phiên bản 3.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11517903-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/03/26 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/03/06
------------------	--	---	---

Glutarandehit:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột, con cái): 77 mg/kg
 Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột, con cái): 0,28 mg/l
 Thời gian phơi nhiễm: 4 h
 Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
 Đánh giá: Ăn mòn đường hô hấp.

Độc tính cấp qua da : LD50 (Thỏ): > 2.000 mg/kg

Benzodexinium bromit:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột): 230 mg/kg
 Độc tính cấp do hít phải : Đánh giá: Ăn mòn đường hô hấp.
 Độc tính cấp qua da : LD50 (Thỏ): > 2.000 - 5.000 mg/kg
 Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Ăn mòn/kích ứng da

Gây bỏng nặng.

Thành phần:

Propan-2-ol:

Loài : Thỏ
 Kết quả : Không gây kích ứng da

Glutarandehit:

Loài : Thỏ
 Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404
 Kết quả : Gây ăn mòn sau khi tiếp xúc từ 3 phút đến 1 giờ

Benzodexinium bromit:

Loài : Thỏ
 Kết quả : Ăn mòn khi tiếp xúc 4 giờ hoặc ít hơn
 Ghi chú : Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

Thành phần:

Propan-2-ol:

Loài : Thỏ
 Kết quả : Kích ứng mắt, phục hồi trong 21 ngày

Glutaral / Benzodecinium Bromide Formulation

Phiên bản 3.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ Dẫn AN TOÀN: 11517903-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/03/26 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/03/06
------------------	--	---	---

Glutarandehit:

Loài	:	Thỏ
Kết quả	:	Những ảnh hưởng không thể phục hồi lên mắt
Phương pháp	:	Thử nghiệm Draize

Benzodexinium bromit:

Loài	:	Thỏ
Kết quả	:	Những ảnh hưởng không thể phục hồi lên mắt
Ghi chú	:	Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Kích thích hô hấp hoặc da

Nhạy cảm với da

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

Nhạy cảm với hô hấp

Có thể gây ra các triệu chứng dị ứng hoặc hen suyễn hoặc khó thở nếu hít phải.

Thành phần:

Propan-2-ol:

Loại kiểm nghiệm	:	Thử nghiệm Buehler
Đường tiếp xúc	:	Tiếp xúc với da
Loài	:	Chuột lang
Phương pháp	:	Hướng dẫn xét nghiệm OECD 406
Kết quả	:	Âm tính

Glutarandehit:

Loại kiểm nghiệm	:	Thử nghiệm hạch bạch huyết cục bộ (LLNA)
Đường tiếp xúc	:	Tiếp xúc với da
Loài	:	Chuột nhắt
Kết quả	:	Dương tính

Đánh giá	:	Khả năng hoặc bằng chứng về tỷ lệ cao gây kích thích da trên người
----------	---	--

Đường tiếp xúc	:	Hít phải
Loài	:	Con người
Kết quả	:	Dương tính

Đánh giá	:	Có thể gây mẫn cảm khi hít phải.
----------	---	----------------------------------

Benzodexinium bromit:

Loại kiểm nghiệm	:	Thử nghiệm Buehler
Đường tiếp xúc	:	Tiếp xúc với da
Loài	:	Chuột lang

**Glutaral / Benzodecinium Bromide
Formulation**

Phiên bản 3.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ Dẫn An Toàn: 11517903-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/03/26 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/03/06
------------------	--	---	---

Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 406
Kết quả : Âm tính
Ghi chú : Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:**Propan-2-ol:**

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm : Loại kiểm nghiệm: Khảo nghiệm đột biến đảo ngược vi khuẩn (AMES)
Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: Thí nghiệm biến đổi gen tế bào trên động vật có vú tại phòng thí nghiệm
Kết quả: Âm tính

Độc tính gây đột biến gen trong cơ thể : Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm nhân nhỏ của hồng cầu trên động vật có vú (thí nghiệm di truyền học tế bào trong cơ thể)
Loài: Chuột nhắt
Lộ trình ứng dụng: Bơm vào trong màng bụng
Kết quả: Âm tính

Glutarandehit:

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm : Loại kiểm nghiệm: Khảo nghiệm đột biến đảo ngược vi khuẩn (AMES)
Kết quả: Dương tính

Loại kiểm nghiệm: Thí nghiệm biến đổi gen tế bào trên động vật có vú tại phòng thí nghiệm
Kết quả: Dương tính

Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm nhiễm sắc thể bất thường trong ống nghiệm
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 473
Kết quả: Dương tính

Độc tính gây đột biến gen trong cơ thể : Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm nhân nhỏ của hồng cầu trên động vật có vú (thí nghiệm di truyền học tế bào trong cơ thể)
Loài: Chuột nhắt
Lộ trình ứng dụng: Bơm vào trong màng bụng
Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm Tổng hợp DNA không có lịch trình (UDS) với tế bào gan của động vật có vú trong cơ thể
Loài: Chuột
Lộ trình ứng dụng: Nuốt phải
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 486

Glutaral / Benzodecinium Bromide Formulation

Phiên bản 3.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11517903-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/03/26 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/03/06
------------------	--	---	---

Kết quả: Âm tính

Benzodexinium bromit:

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm : Loại kiểm nghiệm: Khảo nghiệm đột biến đảo ngược vi khuẩn (AMES)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471
Kết quả: Âm tính
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Loại kiểm nghiệm: Thí nghiệm biến đổi gen tế bào trên động vật có vú tại phòng thí nghiệm
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 476
Kết quả: Âm tính
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm nhiễm sắc thể bất thường trong ống nghiệm
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 473
Kết quả: Âm tính
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Độc tính gây đột biến gen trong cơ thể : Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm nhân nhò của hồng cầu trên động vật có vú (thí nghiệm di truyền học tế bào trong cơ thể)
Loài: Chuột nhắt
Lộ trình ứng dụng: Nuốt phải
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 474
Kết quả: Âm tính
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Tác nhân gây ung thư

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

Propan-2-ol:

Loài	: Chuột
Lộ trình ứng dụng	: Hô hấp (hơi nước)
Thời gian phơi nhiễm	: 104 Tuần
Phương pháp	: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 451
Kết quả	: Âm tính

Glutarandehit:

Loài	: Chuột
Lộ trình ứng dụng	: Nuốt phải
Thời gian phơi nhiễm	: 2 Năm
Kết quả	: Âm tính

Loài	: Chuột
------	---------

**Glutaral / Benzodecinium Bromide
Formulation**

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/03/26
3.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2025/03/06
	2025/04/14	11517903-00003	

Lộ trình ứng dụng : Hô hấp (hơi nước)
Thời gian phơi nhiễm : 2 Năm
Kết quả : Âm tính

Benzodexinium bromit:

Loài : Chuột
Lộ trình ứng dụng : Nuốt phải
Thời gian phơi nhiễm : 2 Năm
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 453
Kết quả : Âm tính
Ghi chú : Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Độc tính sinh sản

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:**Propan-2-ol:**

Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản : Loại kiểm nghiệm: Nghiên cứu độc tính cho sinh sản ở 2 thể hệ
Loài: Chuột
Lộ trình ứng dụng: Nuốt phải
Kết quả: Âm tính

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loại kiểm nghiệm: Sự phát triển phôi thai
Loài: Chuột
Lộ trình ứng dụng: Nuốt phải
Kết quả: Âm tính

Glutarandehit:

Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản : Loại kiểm nghiệm: Nghiên cứu độc tính cho sinh sản ở 2 thể hệ
Loài: Chuột
Lộ trình ứng dụng: Nuốt phải
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 416
Kết quả: Âm tính

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loại kiểm nghiệm: Sự phát triển phôi thai
Loài: Chuột
Lộ trình ứng dụng: Nuốt phải
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 414
Kết quả: Âm tính

Benzodexinium bromit:

Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản : Loại kiểm nghiệm: Nghiên cứu độc tính cho sinh sản ở 2 thể hệ
Loài: Chuột

Glutaral / Benzodecinium Bromide Formulation

Phiên bản 3.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11517903-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/03/26 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/03/06
------------------	--	---	---

Lộ trình ứng dụng: Nuốt phải
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 416
Kết quả: Âm tính
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loại kiểm nghiệm: Sự phát triển phôi thai
Loài: Thỏ
Lộ trình ứng dụng: Nuốt phải
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 414
Kết quả: Âm tính
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

STOT - Tiếp xúc một lần

Có thể gây kích ứng hô hấp.

Thành phần:

Propan-2-ol:

Đánh giá : Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.

Glutarandehit:

Đánh giá : Có thể gây kích ứng hô hấp.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

Glutarandehit:

Đánh giá : Không phát hiện thấy ảnh hưởng đến sức khỏe động vật tại nồng độ 100 mg/kg bw hoặc ít hơn.

Lượng độc lặp lại

Thành phần:

Propan-2-ol:

Loài	: Chuột
NOAEL	: 12,5 mg/l
Lộ trình ứng dụng	: Hô hấp (hơi nước)
Thời gian phơi nhiễm	: 104 Weeks

Glutarandehit:

Loài	: Chuột, con đực
NOAEL	: 15 mg/kg
Lộ trình ứng dụng	: Nuốt phải
Thời gian phơi nhiễm	: 13 Weeks

Glutaral / Benzodecinium Bromide Formulation

Phiên bản 3.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11517903-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/03/26 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/03/06
------------------	--	---	---

Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 408

Loài : Chuột, con đực
NOAEL : 0,0005 mg/l
Lộ trình ứng dụng : Hô hấp (hơi nước)
Thời gian phơi nhiễm : 13 Weeks

Loài : Chuột
NOAEL : ≥ 150 mg/kg
Lộ trình ứng dụng : Tiếp xúc với da
Thời gian phơi nhiễm : 13 Weeks
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 411

Độc tính hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

Thành phần:

Propan-2-ol:

Độc đối với cá : LC50 (Pimephales promelas (cá tuế đầu to)): 9.640 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h

Độc tính đối các loài giáp xác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): > 10.000 mg/l
và các động vật không
xương sống thủy sinh khác
Thời gian phơi nhiễm: 24 h

Độc tính đối với các vi sinh : EC50 (Pseudomonas putida (Vi khuẩn Pseudomonas putida)):
vật
 > 1.050 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 16 h

Glutarandehit:

Độc đối với cá : LC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): 10 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h

Độc tính đối các loài giáp xác : EC50 (Crassostrea virginica (hàu ở biển phía đông)): 0,78
và các động vật không
xương sống thủy sinh khác
mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h

Độc tính đối với tảo/thực vật : ErC50 (Desmodesmus subspicatus (tảo lục)): 0,6 mg/l
dưới nước
Thời gian phơi nhiễm: 72 h

NOEC (Desmodesmus subspicatus (tảo lục)): 0,025 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính) : 1

Glutaral / Benzodecinium Bromide Formulation

Phiên bản 3.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ Dẫn AN TOÀN: 11517903-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/03/26 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/03/06
------------------	--	---	---

đối với môi trường thủy sinh)

Độc đối với cá (Tính độc mãn tính) : NOEC (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): 1,6 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 97 d
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 210

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính) : NOEC (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,13 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 21 d
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 211

Độc tính đối với các vi sinh vật : EC10 (Pseudomonas putida (Vi khuẩn Pseudomonas putida)): 4,4 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 17 h
Phương pháp: DIN 38 412 Part 8

Benzodexinium bromit:

Độc đối với cá : LC50 (Pimephales promelas (cá tuế đầu to)): > 0,1 - 1 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): > 0,01 - 0,1 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Phương pháp: Hướng dẫn 67/548/EEC, Phụ lục V, C.2.
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước : ErC50 (Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục)): > 0,01 - 0,1 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

EC10 (Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục)): > 0,001 - 0,01 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh) : 10

Độc đối với cá (Tính độc mãn tính) : NOEC (Pimephales promelas (cá tuế đầu to)): > 0,01 - 0,1 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 28 d
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính) : NOEC (Daphnia magna (Bọ nước)): > 0,01 - 0,1 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 21 d
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 211
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Nhân tố M (Nguy hại mãn) : 1

**Glutaral / Benzodecinium Bromide
Formulation**

Phiên bản 3.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11517903-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/03/26 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/03/06
------------------	--	---	---

tính đối với môi trường thủy
sinh)

Độc tính đối với các vi sinh vật : EC50: > 10 - 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 30 min
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 209
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy**Thành phần:****Propan-2-ol:**

Tính phân hủy sinh học : Kết quả: Phân hủy nhanh chóng

BOD/COD : BOD: 1,19 (BOD5)
COD: 2,23
BOD/COD: 53 %

Glutarandehit:

Tính phân hủy sinh học : Kết quả: Dễ phân hủy sinh học.
Phương pháp: OECD Hướng dẫn xét nghiệm 301A

Benzodexinium bromit:

Tính phân hủy sinh học : Kết quả: Dễ phân hủy sinh học.
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Khả năng tích lũy sinh học**Thành phần:****Propan-2-ol:**

Hệ số phân tán: n-
octanol/nước : log Pow: 0,05

Glutarandehit:

Hệ số phân tán: n-
octanol/nước : log Pow: < 4
Ghi chú: Phán đoán chuyên môn

Benzodexinium bromit:

Hệ số phân tán: n-
octanol/nước : log Pow: < 4
Ghi chú: Phán đoán chuyên môn

Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

chưa có dữ liệu

**Glutaral / Benzodecinium Bromide
Formulation**

Phiên bản 3.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ Dẫn An Toàn: 11517903-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/03/26 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/03/06
------------------	--	---	---

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ**Các biện pháp thải bỏ**

Chất thải từ cặn	: Không thải loại chất thải vào các hệ thống thoát nước thải Loại bỏ theo quy định của địa phương
Bao bì nhiễm độc	: Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ Bình rỗng có cặn và có thể nguy hiểm. Không gây áp lực, cắt, hàn, hàn thau, gấn, khoan, mài, hay để cho bình chứa này tiếp xúc với nhiệt, lửa, tia lửa, hoặc các nguồn bắt lửa khác. Chúng có thể phát nổ và gây thương tích và / hoặc tử vong. Nếu không được quy định khác: Xử lý như đối với sản phẩm chưa sử dụng.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN**Quy định Quốc tế****UNRTDG**

Số hiệu UN	: UN 2920
Tên vận chuyển thích hợp	: CORROSIVE LIQUID, FLAMMABLE, N.O.S. (Glutaraldehyde, Propan-2-ol)
Hạng	: 8
Nhóm phụ số	: 3
Nhóm hàng	: II
Nhãn	: 8 (3)
Nguy hại với môi trường	: có

IATA-DGR

Số UN/ID	: UN 2920
Tên vận chuyển thích hợp	: Corrosive liquid, flammable, n.o.s. (Glutaraldehyde, Propan-2-ol)
Hạng	: 8
Nhóm phụ số	: 3
Nhóm hàng	: II
Nhãn	: Corrosive, Flammable Liquids
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay)	: 855
Hướng dẫn đóng gói (hàng khách máy bay)	: 851

Mã IMDG

Số hiệu UN	: UN 2920
Tên vận chuyển thích hợp	: CORROSIVE LIQUID, FLAMMABLE, N.O.S. (Glutaraldehyde, Propan-2-ol, Benzodecinium bromide)
Hạng	: 8
Nhóm phụ số	: 3
Nhóm hàng	: II
Nhãn	: 8 (3)

**Glutaral / Benzodecinium Bromide
Formulation**

Phiên bản 3.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11517903-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/03/26 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/03/06
------------------	--	---	---

Mã EmS : F-E, S-C
Chất ô nhiễm đại dương : có

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Phân loại vận chuyển được nêu ở đây chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và chỉ phụ thuộc vào thành phần của nguyên liệu chưa đóng gói như được mô tả trong Phiếu An Toàn Hóa Chất. Phân loại vận chuyển có thể thay đổi tùy theo phương tiện vận chuyển, kích thước bao bì và nhiều yếu tố khác theo quy định của vùng hoặc quốc gia.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT**Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất**

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

AICS : chưa được xác định
DSL : chưa được xác định
IECSC : chưa được xác định

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung : 2025/04/14
gần nhất

Thông tin khác

Nguồn dữ liệu chính dùng để : Dữ liệu kỹ thuật nội bộ, dữ liệu từ Bảng thông tin an toàn
lập Phiếu Dữ liệu An toàn (SDS) nguyên liệu, kết quả tìm kiếm trên Cổng thông tin điện
tử về hóa chất OECD và Cơ quan hóa chất Châu Âu,
<http://echa.europa.eu/>

Các mục nơi đã có những thay đổi so với phiên bản trước được đánh dấu trong phần thân của tài liệu này bằng hai đường thẳng đứng.

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

ACGIH : Giá trị giới hạn ngưỡng (TLV) USA. ACGIH
ACGIH BEI : ACGIH - Các chỉ số phơi nhiễm sinh học (BEI)

ACGIH / TWA : 8 giờ, trung bình tính theo thời gian
ACGIH / STEL : giới hạn tiếp xúc trong thời gian ngắn
ACGIH / C : giới hạn trần

**Glutaral / Benzodecinium Bromide
Formulation**

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/03/26
3.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2025/03/06
	2025/04/14	11517903-00003	

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hải hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Thông tin được cung cấp trong Bảng dữ liệu an toàn này là chính xác nhất theo kiến thức, thông tin và sự tin tưởng của chúng tôi tại ngày công bố. Thông tin chỉ được đưa ra như hướng dẫn để công bố, bỏ, vận chuyển, lưu trữ, xử lý, sử dụng và điều khiển an toàn và sẽ không được xem là sự bảo hành hoặc thông số kỹ thuật về chất lượng của bất kỳ loại nào. Thông tin được cung cấp chỉ liên quan đến tài liệu cụ thể đã nêu tại trang đầu tiên SDS này và sẽ không hợp lệ khi tài liệu SDS được sử dụng liên quan đến bất kỳ tài liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào, trừ khi được nêu cụ thể trong văn bản. Người dùng tài liệu nên đánh giá thông tin và các đề xuất trong hoàn cảnh cụ thể và theo cách thức điều khiển, sử dụng, xử lý và lưu trữ dự kiến của mình, bao gồm việc đánh giá tính phù hợp của tài liệu SDS trong sản phẩm cuối cùng của người dùng, nếu có thể áp dụng.

VN / VI